

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Hộ sinh

Mã số: 7720302

Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2019

**BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

- **Tên ngành: Hộ sinh**
- **Mã số: 7720302**
- **Tên cơ sở đào tạo: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh**
- **Trình độ đào tạo: Đại học**



PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO
HỘ SINH ĐẠI HỌC

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Khái quát về cơ sở đào tạo

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh được thành lập vào năm 1947 với tên gọi Y Dược Đại Học Đường Sài Gòn. Năm 1961, Y Dược Đại Học đường Sài Gòn được chia thành Y khoa Đại Học đường Sài Gòn và Dược khoa Đại Học đường Sài Gòn. Năm 1964, thành lập thêm Nha khoa Đại Học đường Sài Gòn.

Năm 1976 trên cơ sở hợp nhất Y khoa Đại Học đường Sài Gòn, Dược khoa Đại Học đường Sài Gòn, Nha khoa Đại Học đường Sài Gòn và Trường Bác sĩ miền Nam thành Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Khi thành lập trường có 3 khoa: Khoa Y, Khoa Dược, Khoa Răng Hàm Mặt. Từ năm 1995 đến nay, trường có thêm 4 khoa: Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Y tế công cộng, Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học và Bệnh viện Đại Học Y Dược TP.HCM.

Trước năm 1947 Nữ hộ sinh chỉ được đào tạo tại trường Nữ Hộ Sinh Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 1947 theo Nghị định 368-SG thành lập Trường Nữ hộ sinh Quốc gia Sài Gòn. Năm 1975 sau tiếp quản của Ủy ban Quân Quản thành phố Sài Gòn trường trở thành Ngành hộ sinh thuộc trường Trung học Kỹ thuật Y tế 3 – Bộ Y tế. Năm 1998 khi trường sát nhập vào Đại học Y Dược, Ngành Hộ sinh trở thành Bộ môn Hộ sinh, Khoa Điều dưỡng kỹ thuật y học, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh cho tới nay.

Bộ môn Hộ sinh, thuộc Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học là đơn vị chuyên môn trực tiếp nhận nhiệm vụ đào tạo các lớp Hộ sinh.

Từ năm 2004 đến nay Bộ môn Hộ sinh ngoài nhiệm vụ đào tạo 2 năm một khóa Hộ sinh trình độ trung cấp cho đến năm 2017 thì ngưng đào tạo đối tượng trung cấp này theo quyết định của Bộ, và cho đến nay Trường vẫn tiếp tục đào tạo các lớp 4 năm 1 khóa Hộ sinh trình độ đại học nhưng tên văn bằng của hệ đại học là “Cử nhân Điều Dưỡng chuyên ngành hộ sinh”.

2. Lý do mở ngành đào tạo đại học Hộ sinh

Việc mở ngành đào tạo đại học Hộ sinh thật sự cần thiết bởi nhiều lý do sau:

Phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.

Phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng và quốc gia.

Đào tạo Hộ sinh ở Việt Nam đã có từ những năm 30 của thế kỷ XX, khởi đầu với tên gọi là trường đào tạo Hộ sinh Đông Dương. Qua bao nhiêu năm phát triển, đến nay đã thành hệ thống đào tạo Hộ sinh trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp y tế, với trình độ trung cấp. Từ năm 2010 đã bắt đầu đào tạo Hộ sinh trình độ Cao đẳng.

Để hội nhập với khu vực và quốc tế, trên cơ sở Chuẩn năng lực của Liên đoàn Hộ sinh thế giới (ICM) ban hành năm 2010 và chỉnh sửa năm 2013, Bộ Y tế đã ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam, kèm theo Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24/01/2014. Đây là cơ sở để xây dựng và hướng dẫn đào tạo Hộ sinh theo năng lực thực hiện.

Các cơ sở đào tạo và sử dụng nhân lực Hộ sinh căn cứ các tiêu chí trong bản quy định Điều kiện chuyên môn bảo đảm đào tạo Hộ sinh trình độ đại học, cao đẳng tại Việt Nam để thực hiện đào tạo và đào tạo liên tục đối tượng Hộ sinh đạt Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em nói riêng, chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung.

Giáo dục luôn gắn liền với sự phát triển của loài người, quá trình phát triển của một nền giáo dục luôn chịu tác động bởi nhiều nhân tố: con người, khoa học – công nghệ, kinh tế, xã hội, văn hóa.... Do vậy, giáo dục phải không ngừng đổi mới để tăng cường giáo dục với chất lượng ngày càng tăng, phù hợp và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của xã hội trên từng bước tiến của thời đại.

Trong đó giáo dục nghề nghiệp là bộ phận không thể tách rời nền giáo dục của một quốc gia. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng tốt nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước nói chung đồng thời cung cấp cho xã hội những con người có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em nói riêng. Việc đổi mới giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trước hết là việc điều chỉnh và triển khai chương trình đào tạo sao cho phù hợp theo từng thời kỳ phát triển của xã hội.

Từ những quan điểm thực tế đó, trong mục tiêu giáo dục Việt Nam đã nêu rằng: “Giáo dục nghề nghiệp cần có những bước chuyển mới tạo bước đột phá về dạy nghề, phấn đấu tăng mạnh tỉ lệ lao động qua đào tạo, tỉ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo đạt khoảng 70% vào năm 2020 từ trình độ sơ cấp đến trình độ trung

cấp và cao đẳng... Cùng với việc nhanh chóng mở rộng đào tạo nghề ngắn hạn đại trà, đặc biệt là ở nông thôn để đáp ứng cơ cấu kinh tế mới của nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một hệ thống đào tạo nhân lực có trình độ từ công nhân kỹ thuật đến kỹ thuật viên đạt chuẩn quốc tế đối với một số lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của đất nước”

Để chất lượng đào tạo nghề đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng sự thay đổi vượt bậc của khoa học công nghệ thì chương trình, giáo trình phải được xây dựng theo một phương pháp khoa học, sát với yêu cầu thực tiễn đồng thời phải được thường xuyên cập nhật bổ sung, sửa đổi. Có như thế việc đào tạo nghề mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Luật Giáo Dục theo 3 cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu xã hội, bắt kịp được nhịp tiến nhanh chóng của khoa học công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

TS. Babatunde Osotimehin Giám đốc điều hành Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã cho biết trong thông điệp của mình nhân ngày Nữ hộ sinh quốc tế 5/5 về người làm nghề Nữ hộ sinh như sau: “...họ không chỉ làm công việc đỡ đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh, họ còn làm công việc cứu sống người khác.” và trên thế giới "Mỗi ngày có 1.000 sản phụ tử vong và 5.500 trẻ sơ sinh chết trong vòng một tuần sau khi sinh do không được chăm sóc y tế đầy đủ”. Ở những quốc gia nghèo nhất, chỉ có khoảng 13% các trường hợp sinh đẻ do các nữ hộ sinh hoặc cán bộ y tế có kỹ năng hộ sinh thực hiện. Do đó, TS Babatunde Osotimehin khẳng định vai trò của nữ hộ sinh là “những người anh hùng thầm lặng trong bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh”.

Ông cũng cho rằng, đầu tư vào nguồn nhân lực cho y tế là một trong những khoản đầu tư tốt nhất mà mọi quốc gia nên thực hiện. Trong năm 2011, UNFPA đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của nữ hộ sinh trong việc cứu sống bà mẹ - trẻ sơ sinh và tăng cường hệ thống y tế quốc gia.

“Với tư cách là Giám đốc Điều hành của UNFPA, tôi muốn tôn vinh những công việc quan trọng mà nữ hộ sinh đang thực hiện. Nữ hộ sinh không chỉ làm công việc đỡ đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh. Họ làm công việc cứu sống người khác và góp phần tăng cường một hệ thống y tế có chất lượng cho toàn xã hội. Họ chính là nguồn

nhân lực quan trọng trong một hệ thống y tế hiệu quả” - TS Babatunde Osotimehin nhấn mạnh.

Nguồn: [<http://giadinh.net.vn/20110505034223565p1054c1055/ngay-nu-ho-sinh-quoc-te-55-ton-vinh-nhung-anh-hung-tham-lang.htm> Ngày cập nhật: 20/10/2011 19:32:5].

Với tình hình chung trên thế giới liên quan đến nghề hộ sinh mà Giám đốc Điều hành của UNFPA đã nhận định như trên, tại Bộ môn Hộ sinh cũng không ngoại lệ, ngày nay khi đất nước đang phát triển, nhu cầu cần được chăm sóc tốt và toàn diện cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và chị em phụ nữ tại Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Những nội dung, chương trình giảng dạy đã và đang sử dụng dần dần cần phải thay đổi, nâng cao. Để đáp ứng cho công việc đào tạo được ngày càng có chất lượng, buộc phải điều chỉnh dần nội dung, chương trình sao cho phù hợp, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và chị em phụ nữ trong xã hội đang dần phát triển như hiện nay.

Bộ y tế Việt Nam cũng đã rất quan tâm đến việc tăng cường đào tạo nhân lực Hộ sinh theo xu hướng hình thành năng lực thực hiện đảm bảo theo các chương trình đào tạo tại Việt Nam và hội nhập vào khu vực và quốc tế. [Tài liệu tham khảo đào tạo Hộ sinh số 63/BYT-K2ĐT ngày 16/02/2012]

3. Một số nước đào tạo Hộ sinh đại học trên thế giới hiện nay qua thống kê:

1. Australian Catholic University, Melbourne, Australia, 3 years full-time
2. Victoria University, Melbourne, Australia, 3 years full-time
3. University of Queensland, Australia, 3 years full-time
4. Western Sydney University, Australia, 3 years full-time
5. The University of Newcastle, Australia, 3 years full-time
6. An-Najah National University, Jordan, 4 years full-time
7. The Ohio State University, USA, 4 years- time
8. University of Utah, USA, 4 years full-time
9. University of Washington, USA, 4 years full-time
10. University of East Anglia, United Kingdom, 4 years full-time
11. Sheffield Hallam University, United Kingdom, 4 years full-time
12. Cardiff University, United Kingdom, 4 years full-time

13. Queen's University Belfast, United Kingdom, 4 years full-time
14. Swansea University, United Kingdom, 4 years full-time
15. University of South Wales, United Kingdom, 4 years full-time
16. University of Gothenburg, Sweden, 4 years full-time
17. Metropolitan University College, Copenhagen, Demark, 3,5 years full-time

4. Đào tạo Hộ sinh tại Việt Nam

Giai đoạn chỉ đào tạo Nữ Hộ sinh trung học:

Trước năm 1947 Nữ hộ sinh chỉ được đào tạo tại trường Nữ Hộ Sinh Hà Nội.

Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia được thành lập vào ngày 29/5/1947, địa chỉ tại 284 Công Quỳnh – Q.1, Sài Gòn, trực thuộc Đại học Y Khoa Sài Gòn.

Ngày 18/9/1958, Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia trực thuộc Bộ Y Tế, địa chỉ vẫn ở tại 284 Công Quỳnh – Q.1, Sài Gòn.

Sau ngày 30/4/1975, Trường trở thành Ngành Nữ Hộ Sinh thuộc Trường Trung học Kỹ thuật Y tế, trực thuộc Ủy Ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Sáu tháng sau trường được đổi tên là Trường Trung học kỹ thuật Y tế trung ương 3- Phân hiệu trung học Hộ Sinh, trực thuộc Bộ Y tế quản lý.

Địa điểm vẫn như cũ nhưng đổi tên đường khác là 191 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp nối trường Nữ Hộ sinh Quốc gia, Ngành hộ sinh đào tạo nữ hộ sinh cho tất cả các tỉnh thành trong cả nước.

Từ năm 2004 đến năm 2017 ngoài hệ trung học, trường còn đào tạo cử nhân Hộ sinh hệ đại học 4 năm, chương trình chuyên môn chính là Hộ sinh nhưng văn bằng khi tốt nghiệp lại là Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh.

Theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 về danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học Hộ Sinh đã có tên mã ngành đào tạo là 7720302.

Trong thời gian qua các cơ sở y tế khi tiếp nhận sử dụng nguồn lao động là những người Hộ sinh luôn cần có sự rõ ràng giữa cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh hay cử nhân Hộ sinh xét về văn bằng.

Các Bệnh viện chuyên khoa Phụ sản tại Việt Nam là những bệnh viện lớn đầu ngành, có số giường bệnh lên đến hơn 1000 giường và hiện còn đang xây dựng mở rộng các khoa để đón nhận chăm sóc điều trị các chị em phụ nữ, thai phụ và sơ sinh

theo nhu cầu xã hội nên rất cần có những Hộ sinh có văn bằng đúng ngành để cho việc tuyển nhân sự.

Ngoài ra tại các bệnh viện tuyến quận, huyện đều có khoa sản và nhà hộ sinh với qui mô số giường tùy địa phương cũng đang rất cần có nhân lực Hộ sinh chuyên nghiệp phục vụ chăm sóc bà mẹ và sơ sinh...

Nhu cầu đào tạo Hộ sinh trình độ đại học là hết sức cần thiết để có được những người Hộ sinh chuyên nghiệp, nắm vững kiến thức chuyên môn, có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo với thái độ đúng mực phù hợp.

Từ những lý do khách quan và chủ quan trên mà chúng ta cần phải thực hiện “Mở mã ngành đào tạo Hộ sinh trình độ đại học”.

PHẦN II
NĂNG LỰC
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giảng viên

Bộ môn Hộ Sinh – Khoa Điều dưỡng & Kỹ thuật y học là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo Cử nhân Hộ Sinh. Các Khoa, các bộ môn, Đơn vị huấn luyện kỹ năng và các phòng ban khác trong Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh phối hợp cùng Bộ môn Hộ Sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cùng tham gia đào tạo Cử nhân Hộ Sinh.

(Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu đề nghị mở mã ngành đào tạo được trình bày trong các bảng 1 – 5, thuộc phụ lục 2 kèm theo. Các lý lịch khoa học và chứng chỉ hành nghề của đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy thực hành thuộc phụ lục 4 kèm theo).

Các danh sách liên quan đến giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo được đính kèm ở phần phụ lục với các bảng từ bảng số 1 đến bảng số 5 như sau

- Bảng 1. Danh sách giảng viên cơ hữu của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh tham gia khóa đào tạo.
- Bảng 2. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo.
- Bảng 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phần kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành của ngành đăng ký đào tạo.
- Bảng 4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng của khóa đào tạo.
- Bảng 5. Danh sách giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành cho khóa đào tạo.

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Giảng đường, phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

2.1 Giảng đường

Các giảng đường phân bố ở nhiều vị trí khác nhau, được quản lý bởi phòng và tổ Quản lý đào tạo, tất cả đều được trang bị máy tính và projector để giảng dạy lý thuyết và thực hành.

Bao gồm các địa điểm sau:

- 217 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 (Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- 131 Nguyễn Chí Thanh, phường 9, quận 5 (BM Xét nghiệm y học, Khoa ĐDKTYH, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- 371 Điện Biên Phủ, phường 4, Quận 3. (BM Gây mê hồi sức – BV Bình Dân Khoa ĐDKTYH, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- 201 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, quận 5 (Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- 191 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 (BM Hộ Sinh – BV Từ Dũ, Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- 70 Bà Huyện Thanh Quan, quận 3 (BM Phục hồi chức năng – VLTL, Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh)

- Đơn vị huấn luyện kỹ năng điều dưỡng/hộ sinh tọa lạc tại tầng 10, khu 15 tầng, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh có 6 phòng giảng dạy thực hành với đầy đủ máy móc trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác đào tạo. Trong đó có 1 phòng dùng để thực hành mô hình tương tác với máy tính.

(Danh sách các thiết bị phòng học, giảng đường, thiết bị hỗ trợ được trình bày trong Bảng 6 thuộc phụ lục 2 kèm theo).

2.2 Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học nói riêng và Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh có đủ máy tính, máy chiếu, bảng, hệ thống máy tính kết nối mạng internet và internet wifi ở tất cả các phòng học, phòng thực hành.

Tất cả các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có đủ các mô hình, các trang thiết bị cơ bản phục vụ mục đích đào tạo. Phòng thực hành cho khóa đào tạo Kỹ thuật phục hồi chức năng sẽ được trang bị các thiết bị cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy và thực hành tiền lâm sàng của học viên.

(Danh sách các Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành được trình bày trong bảng 7 thuộc phụ lục 2 kèm theo).

2.3 Thư viện

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh có 03 Thư viện bao gồm thư viện trung tâm (Khoa Y), thư viện Khoa Dược và thư viện Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học với hệ thống máy tính nối mạng internet và đầy đủ các đầu sách, tạp chí chuyên

ngành phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, là một trong những trường thuộc khối ngành y có hệ thống trang thiết bị, cơ sở hạ tầng thường xuyên được đầu tư xây dựng, đổi mới, đáp ứng nhu cầu dạy và học chất lượng cao. Tổng diện tích đất đang sử dụng của trường là 74.138.5 m².

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh cũng sẽ tiếp tục có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo, nâng cấp trang thiết bị thực hành để đáp ứng quy mô, yêu cầu của kế hoạch đào tạo.

(Danh sách tư liệu phục vụ đào tạo trong thư viện được trình bày trong bảng 9-10, thuộc phụ lục 2 kèm theo).

- Bảng 9. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo
- Bảng 10. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

2.4 Hoạt động thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

Trong 4 năm học các sinh viên Hộ sinh sẽ được học thực hành tại các bệnh viện đầu ngành thuộc nhiều chuyên khoa trong khu vực, nơi đây chính là những nơi thực hành tốt nhất cho sinh viên Hộ sinh:

- Bệnh viện Từ Dũ (chuyên ngành sản phụ khoa): qui mô 1000 giường nhưng thực tế có khi lên đến 1300 giường
- Bệnh viện Hùng Vương (chuyên ngành sản phụ khoa): qui mô 900 giường
- Bệnh viện Đại học y dược 2 cơ sở: có Hộ sinh thực tập chuyên ngành sản phụ khoa, Nội, Ngoại: qui mô 1000 giường.
- Bệnh viện Chợ Rẫy (TH Điều dưỡng cơ sở, nội, ngoại): qui mô 1800 giường.
- Bệnh viện Nhi Đồng 1 (chuyên nhi): qui mô 1400 giường.
- Bệnh viện Nhiệt đới (chuyên nhiễm): qui mô 550 giường.
- Trung tâm y tế dự phòng các Quận tại TP.HCM (thực hành về cộng đồng)

(Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo trình bày trong bảng 11 và các hợp đồng Viện – Trường đính kèm trong phụ lục 2 kèm theo)

- Bảng 11. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

2.5 Hoạt động nghiên cứu khoa học

Khoa Điều dưỡng – Kỹ Thuật y học, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, Ngành đã và đang thực

hiện liên quan đến chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, phục vụ tốt cho ngành đào tạo..

Trong những năm gần đây, các giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đã tham gia thực hiện một số công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng và đã được công bố trên các báo, tạp chí.

(Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đăng kí đào tạo do Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện được trình bày trong bảng 8 thuộc phụ lục 2 kèm theo).

2.6 Hoạt động hợp tác quốc tế

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học nói riêng có mối quan hệ hợp tác quốc tế đa dạng và phát triển nhanh chóng, rộng rãi và đã mang lại hiệu quả thiết thực trong đào tạo đội ngũ cán bộ giảng viên, tạo môi trường giao lưu hợp tác góp phần thúc đẩy quá trình tiếp cận và hội nhập với thế giới của nhà trường.

Tính đến nay, hàng năm các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo của Trường với các trường đại học của Hoa Kỳ đã và đang đào tạo 190 thạc sĩ Điều dưỡng (từ năm 2007 đến 2017). Với sự hỗ trợ về chuyên môn từ trường Manipal, Ấn Độ. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế này, năng lực quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường đã được xây dựng và tăng cường có hiệu quả. Các chương trình hợp tác này cũng đã trang bị cho Trường nhiều trang thiết bị đào tạo, thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế và hàng ngàn đầu sách chuyên môn, tài liệu tham khảo các chuyên ngành bằng tiếng Anh. Với sự hỗ trợ từ các trường Đại học từ Bỉ và Úc,

Trường cũng đã tổ chức thành công nhiều hội thảo, hội nghị khoa học mang tầm cỡ khu vực và quốc tế. Ngoài ra, sinh viên, giảng viên và nhà khoa học của Trường cũng tham gia nhiều chương trình phối hợp nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn cao ở trong nước và quốc tế.

Trong tháng 9 và tháng 11 năm học này bộ môn Hộ sinh đã có 2 giảng viên tham gia báo cáo tại hội nghị quốc tế do 2 trường: University of Tsukuba, Nhật và University College Ghent, Bỉ mời. Trong năm 2018 và 2019 có 3 đợt sinh viên hộ sinh của Bỉ sang thực hành 8 tuần mỗi đợt tại Khoa sanh, chăm sóc trước sinh và khoa sơ sinh bệnh

viện Từ Dũ dưới sự hướng dẫn thực hành của bộ môn Hộ sinh. Trong tương lai Khoa Điều dưỡng kỹ thuật y học sẽ luôn có sự hợp tác này tại bộ môn Hộ sinh nhằm nâng cao kỹ năng hợp tác quốc tế cho các giảng viên và sinh viên.

2.7 Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp

Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục Khoa đã có thực hiện 2 năm với 2 khảo sát

- Sinh viên khóa 2011 – 2015: Văn bằng “Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh”; Mã ngành: 52720501; Quyết định tốt nghiệp số: 3938/QĐ-ĐHYD-ĐT, ngày 19/10/2015; Phương thức khảo sát: Khảo sát Online bằng công cụ Google Biểu Mẫu. Sinh viên khóa 2011 – 2015 có 52 sinh viên tốt nghiệp được gửi thư khảo sát có 4 em không phản hồi. Trong 48 em tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ 92,31% có 47 em đã có việc làm ổn định chiếm tỷ lệ 97,92% trên số em được khảo sát, 1 em chưa đi làm chiếm tỷ lệ 2,08% em này ở tỉnh Quảng Bình. Trong 47 em có việc làm, có 25 em làm cho cơ sở nhà nước chiếm tỷ lệ 53,19% và có 22 em làm cho cơ sở tư nhân chiếm tỷ lệ 46,81%.

- Sinh viên khóa 2012 – 2016; Văn bằng “Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh”; Mã ngành: 52720501; Quyết định tốt nghiệp số: 3861/QĐ-ĐHYD-ĐT, ngày 5/10/2016; Khảo sát Online bằng công cụ Google biểu mẫu và gọi điện thoại. Sinh viên khóa 2012 – 2016 có 50 sinh viên tốt nghiệp được gửi thư khảo sát có 4 em không phản hồi. Trong 46 em tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ 92% có 45 em đã có việc làm ổn định chiếm tỷ lệ 97,83% trên số em được khảo sát, 1 em chưa đi làm chiếm tỷ lệ 2,17%. Trong 45 em có việc làm, có 24 em làm cho cơ sở nhà nước chiếm tỷ lệ 53,33% và có 21 em làm cho cơ sở tư nhân chiếm tỷ lệ 46,67%.

Tất cả số em đã có việc làm đều làm đúng chuyên ngành được đào tạo tại các cơ sở y tế nhà nước hoặc tư nhân như các bệnh viện lớn chuyên sản phụ khoa, sản nhi, bệnh viện quận, trung tâm y tế, phòng khám sản phụ khoa...

PHẦN III

CHƯƠNG TRÌNH

VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng/Giám đốc)

Tên chương trình: **CỬ NHÂN HỘ SINH**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **HỘ SINH; Mã số: 7720302**

1. Mục tiêu

✚ Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Hộ sinh có ý thức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam ở trình độ đại học; có sức khoẻ; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi nói riêng.

✚ Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức

- Vận dụng tốt các kiến thức về các quy định pháp luật, chính sách nhà nước vào công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Áp dụng tốt những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, y xã hội học và kiến thức y học chuyên ngành vào quá trình chăm sóc, bảo vệ, nâng cao, giáo dục sức khỏe cho phụ nữ trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
- Tư duy và vận dụng tốt các phương pháp luận khoa học trong y học vào nghiên cứu khoa học và quản lý ngành.
- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ B và hiểu rõ ứng dụng của các phần mềm trong tin học ở trình độ A.
- Hiểu rõ vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Nhận định được quyền của khách hàng; những yếu tố về phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng của khách hàng có liên quan đến sự ra quyết định của người Hộ sinh trong khi chăm sóc cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo những kỹ thuật chuyên ngành sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình trong công tác chăm sóc toàn diện cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Thực hiện công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe có hiệu quả đối với phụ nữ và gia đình của họ.
- Giao tiếp có hiệu quả với khách hàng, đồng nghiệp trong học tập và làm việc.
- Phối hợp có hiệu quả với bác sĩ và các thành viên trong nhóm chăm sóc khi thực hiện chăm sóc cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Ra quyết định phù hợp khi thực hiện chăm sóc cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh một cách an toàn.
- Đánh giá được kết quả của sự chăm sóc, báo cáo khi được yêu cầu và bổ sung kế hoạch chăm sóc cho phù hợp.
- Theo dõi, đánh giá toàn diện, ghi chép diễn biến hàng ngày của sản phụ, sơ sinh, người bệnh, đặc biệt là những trường hợp nặng, những trường hợp cấp cứu; phát hiện, xử trí ban đầu và báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường cho bác sĩ điều trị hoặc người phụ trách.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện thống kê, báo cáo các hoạt động chuyên môn và bảo quản lưu trữ các tài liệu đúng quy định.
- Quản lý, sử dụng, bảo quản phương tiện máy móc, trang thiết bị được phân công; phát hiện những hỏng hóc và đề xuất phương án xử lý kịp thời; chịu trách nhiệm cá nhân về số thuốc và tài sản được phân công quản lý
- Sử dụng tốt vốn ngoại ngữ, vận dụng thành thạo máy vi tính và các trang thiết bị, phần mềm tin học ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn
- Phối hợp hoặc tự thực hiện công tác quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Về thái độ

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp.
- Chấp hành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong công tác chăm sóc.
- Hợp tác, chia sẻ trách nhiệm với tất cả thành viên trong nhóm chăm sóc.
- Thực hiện tốt tinh thần trách nhiệm, khiêm tốn, trung thực trong thực hành nghề nghiệp.
- Liên kết chặt chẽ các mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh.
- Tôn trọng đồng nghiệp, người bệnh và thân nhân.
- Thực hiện tốt việc học tập liên tục suốt đời và phát triển nghề nghiệp.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập
- Các cơ sở y tế khám chữa bệnh cho người nước ngoài.
- Các cơ sở đào tạo đúng chuyên ngành hay có liên quan.

Khả năng học tập để nâng cao trình độ:

- Thạc sĩ Điều dưỡng Phụ Sản/Thạc sĩ Hộ sinh
- Tiến sĩ Điều dưỡng Phụ sản/Tiến sĩ Hộ sinh

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Yêu cầu về kiến thức

C1. Tích lũy được những kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe qua các học phần giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

C2. Vận dụng được những kiến thức về các quy định pháp luật, chính sách nhà nước, bảo vệ môi trường vào công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

C3. Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và sơ sinh.

C4. Có kiến thức trong lĩnh vực: sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp, làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng.

2.2 Yêu cầu về kỹ năng

C5. Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và bà mẹ trước khi mang thai, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, nâng cao sức khỏe gia đình, hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo qui định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

C6. Thực hiện chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ đỡ đẻ sạch, an toàn, đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và bé; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.

C7. Thực hiện chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc phù hợp với văn hóa.

C8. Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Đồng thời thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe có hiệu quả cho phụ nữ và gia đình của họ.

C9. Theo dõi, đánh giá toàn diện, ghi chép diễn biến hàng ngày của sản phụ, sơ sinh, người bệnh, đặc biệt là những trường hợp nặng, những trường hợp cấp cứu; phát hiện, xử trí ban đầu và báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường cho bác sĩ điều trị hoặc người phụ trách.

C10. Phối hợp hoặc tự thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thực hiện thống kê, báo cáo các hoạt động chuyên môn và bảo quản lưu trữ các tài liệu đúng quy định. Quản lý, sử dụng, bảo quản phương tiện máy móc, trang thiết bị được phân công.

C11. Sử dụng được công nghệ thông tin để truy cập tài liệu, kiến thức mới, duy trì học tập liên tục, sử dụng tốt các phần mềm tin học văn phòng phục vụ trong quản lý, chăm sóc người bệnh, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

C12. Có kỹ năng ngoại ngữ tương đương trình độ B, tin học tương đương trình độ A, có kỹ năng tự học và rèn luyện sức khỏe tốt.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C13. Tôn trọng quyền của người bệnh, trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả, bảo đảm an toàn cho người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.

C14. Tôn trọng, đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

C15. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nữ Việt Nam từ 18 tuổi trở lên

Điều kiện xét tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông
- Tuân thủ các quy định tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Môn xét tuyển

- Toán học
- Hoá học
- Sinh học

Điều kiện trúng tuyển:

- Căn cứ theo chỉ tiêu tuyển sinh để xác định số lượng trúng tuyển dựa trên tổng điểm của tổ hợp 3 môn thi.
- Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm của các môn thi thì xét đến mức điểm cao hơn ở môn sinh học sau đó đến môn toán học và cuối cùng là môn hoá học để xác định người trúng tuyển.

Chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu:

Dự kiến tuyển sinh năm đầu: 120 sinh viên.

2 năm kế tiếp: mỗi năm 150 sinh viên.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- 135 tín chỉ, chưa kể các nội dung: Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (6 tín chỉ).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Bước 1. Thống nhất mục tiêu đào tạo

Tiến hành họp phân tích, đánh giá và tư vấn trực tiếp để xác lập mục tiêu đào tạo cụ thể, phù hợp với nhu cầu riêng và đặc thù của các đơn vị sử dụng lao động ở các tuyến từ tuyến trung ương đến địa phương.

Bước 2. Phân tích đối tượng và thiết kế chương trình đào tạo

Sau khi thiết lập được mục tiêu đào tạo cho chương trình đào tạo cụ thể ở Bước 1, đội ngũ chuyên gia của Khoa và Bộ môn sẽ nghiên cứu, phân tích đối tượng tham dự và thiết kế nội dung chương trình đào tạo sao cho đảm bảo tối ưu về mặt hiệu quả và tính kinh tế cho các tuyến cơ sở có nhu cầu sử dụng người Hộ sinh

Bước 3. Biên soạn tài liệu, mẫu biểu, công cụ học tập và giảng dạy...

Với mục đích tối ưu hóa hiệu quả đào tạo, trong bước này, đội ngũ chuyên gia của Khoa, Bộ môn sẽ tiến hành biên soạn tài liệu, mẫu biểu, công cụ học tập, quy trình, tình huống ... sử dụng để giảng dạy và cung cấp cho học viên. Song song với việc biên soạn, đội ngũ chuyên gia Khoa, Bộ môn cũng sẽ tiến hành phân bổ nội dung chương trình cũng như cách thức truyền tải của từng phần sao cho đảm bảo tính phù hợp nhất với đặc thù của nhóm đối tượng.

Bước 4. Triển khai đào tạo

Tháng 6 hàng năm Bộ môn kết hợp với các Bộ môn khác trong Khoa lên kế hoạch đào tạo năm học sau cho các lớp.

Sau kỳ thi Phổ thông trung học Quốc gia, với chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Trường sẽ tiếp nhận sinh viên mới tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo vào tháng 9.

Bước 5. Đánh giá

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Tóm lại việc đánh giá được tiến hành qua các phương pháp như sau:

- Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ và bài thi cuối học phần
- Phỏng vấn trực tiếp từng học viên hay nhóm đại diện qua các chủ đề/tình huống lâm sàng trong học tập thực hành.
- Đánh giá năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc Hộ sinh qua bảng kiểm trên lớp.
- Đánh giá năng lực thực hành tay nghề trực tiếp trên lâm sàng với quy trình chăm sóc hoặc tình huống/bệnh nhân giả định.
- Đánh giá thông qua việc thực hiện đề tài khóa luận/kế hoạch ứng dụng sau khóa học.

Bước 6. Chứng nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần quy định của chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

II. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	26
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	102
	- Kiến thức cơ sở ngành	28
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	62
	- Kiến thức tự chọn	12
3	- Khoá luận tốt nghiệp/ học phần bổ sung	7
Tổng cộng		135

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			35	26	9	
1.1. Lý Luận chính trị, Ngoại ngữ, tin học			26	22	4	
1	71001610	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	
2	71001611	Vật lý – Lý sinh	2	2	0	
3	71001612	Hóa học	2	2	0	
4	71001613	Sinh học và di truyền	2	2	0	
5	71001615	Tiếng Anh 1	2	2	0	
6	71001616	Tiếng Anh 2	2	2	0	
7	71001618	Tiếng Anh chuyên ngành Hộ sinh	2	2	0	
8	71001614	Tin học đại cương	2	1	1	
9	71001001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin 1	2	1	1	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
10	71001002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	2	1	
11	71001003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	
12	71001004	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1	
1.2 Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh						
13	71001005	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	
14	71001006	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	
15	71001007	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	
16	71001008	Giáo dục quốc phòng – An ninh	6	4	2	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			102	65	37	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			28	25	3	
17	61002020	Giải phẫu học	3	2	1	
18	61002021	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	0	
19	61002022	Sinh lý học	3	2	1	
20	61002023	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	2	0	
21	61002024	Hoá sinh	2	2	0	
22	61002025	Pháp luật – Tổ chức y tế	2	2	0	
23	61002026	Tâm lý y học	1	1	0	
24	61002027	Đạo đức nghề nghiệp	1	1	0	
25	61002028	Dịch tễ học	2	2	0	
26	61002029	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	2	0	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
27	61002030	Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2	2	0	
28	61002031	Dược lâm sàng	2	1	1	
29	61002032	Bệnh học nội khoa – Ngoại khoa	2	2	0	
30	61002035	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	
2.2. Kiến thức ngành			62	34	28	
31	61073040	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	3	3	0	
32	61073041	Điều dưỡng cơ sở 1	3	2	1	
33	61073042	Điều dưỡng cơ sở 2	4	2	2	
34	61073043	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa	2	2	0	
35	61073044	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa.	2	0	2	
36	61073045	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm.	3	2	1	
37	61073046	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1	
38	61073047	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	2	0	
39	61073048	Kế hoạch hóa gia đình.	2	2	0	
40	61073049	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ – Kế hoạch hóa gia đình	2	0	2	
41	61073050	Chăm sóc thai kỳ bình thường.	2	2	0	
42	61073051	Thực hành chăm sóc thai kỳ bình thường.	1	0	1	
43	61073052	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	3	3	0	
44	61073053	Thực hành chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	2	0	2	
45	61073054	Chăm sóc thai phụ chuyên dạ và sinh thường.	2	2	0	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
46	61073055	Thực hành chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh thường.	2	0	2	
47	61073056	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh khó 1.	4	3	1	
48	61073057	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh khó 2.	2	0	2	
49	61073058	Chăm sóc sau sinh.	2	2	0	
50	61073059	Thực hành chăm sóc sau sinh.	2	0	2	
51	61073060	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	2	0	
52	61073061	Thực hành chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	0	2	
53	61073062	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	2	0	
54	61073063	Thực hành chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	0	2	
55	61073064	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.	2	1	1	
56	61073065	Lãnh đạo và quản lý Hộ sinh.	2	1	1	
57	61073066	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	
2.3. Kiến thức tự chọn (chọn 12/ 24 TC)			12	6	6	
Nhóm 1 (12 TC)			12	6	6	
58	61075067	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao – Phục hồi chức năng	2	2	0	
59	61075068	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao.	2	0	2	
60	61075069	Hộ sinh phòng mổ	2	2	0	
61	61075070	Thực hành Hộ sinh phòng mổ	2	0	2	
62	61075071	Chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	2	0	
63	61075072	Thực hành chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	0	2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
Nhóm 2 (12 TC)			12	6	6	
64	61075073	Chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/AIDS và hội chứng nghiện.	2	2	0	
65	61075074	Thực hành chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/AIDS và hội chứng nghiện.	2	0	2	
66	61075075	Chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	2	0	
67	61075076	Thực hành chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	0	2	
68	61075077	Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2	2	0	
69	61075078	Thực hành chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2	0	2	
3. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần bổ sung (Ngoại trừ những SV đủ điều kiện làm khóa luận TN, các SV còn lại thực hiện học phần bổ sung).			7	(4)	(3)	
3.1. Học phần bổ sung			7	4	3	
70	61076079	Chuyên đề phụ nữ – Kế hoạch gia đình.	2	1	1	
71	61076080	Chuyên đề trong kỳ thai nghén và chuyển dạ	3	2	1	
72	61076081	Chuyên đề sau đẻ và sơ sinh	2	1	1	
3.2. Khóa luận tốt nghiệp			7			
73	61076100	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng			144	(95)	(49)	

2. Phân bố chi tiết các môn học/học phần theo học kỳ:

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
Năm thứ nhất			41	29	12	
Học kỳ 1			23	17	6	
1	71001001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	1	1	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
2	71001002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	2	1	
3	71001610	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	
4	71001611	Vật lý – Lý sinh	2	2	0	
5	71001612	Hóa học	2	2	0	
6	71001613	Sinh học và di truyền	2	2	0	
7	71001615	Tiếng Anh 1	2	2	0	
9	71001616	Tiếng Anh 2	2	2	0	
8	61002020	Giải phẫu học	3	2	1	
10	71001005	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	
11	71001006	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	
12	71001007	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	
Học kỳ 2			18	12	6	
13	71001003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	
14	71001004	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1	
15	71001008	Giáo dục quốc phòng – An ninh	6	4	2	
16	71001614	Tin học đại cương	2	1	1	
17	61002022	Sinh lý học	3	2	1	
18	71001008	Tiếng Anh chuyên ngành Hộ sinh	2	2	0	
Năm thứ hai			40	35	5	
Học kỳ 3			20	19	1	
19	61002021	Sinh lý bệnh & Miễn dịch	2	2	0	
20	61002023	Vi sinh – ký sinh trùng	2	2	0	
21	61002024	Hoá sinh	2	2	0	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
22	61002025	Pháp luật – Tổ chức y tế	2	2	0	
23	61002026	Tâm lý y học	1	1	0	
24	61002027	Đạo đức nghề nghiệp	1	1	0	
25	61002028	Dịch tễ học	2	2	0	
26	61002030	Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2	2	0	
27	61002031	Dược lâm sàng	2	1	1	
28	61002032	Bệnh học Nội khoa – Ngoại khoa	2	2	0	
29	61002029	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	2	0	
Học kỳ 4			20	16	4	
30	61002035	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	
31	61073040	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp.	3	3	0	
32	61073041	Điều dưỡng cơ sở 1	3	2	1	
33	61073042	Điều dưỡng cơ sở 2	4	2	2	
34	61073043	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa	2	2	0	
35	61073046	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp.	2	1	1	
36	61073062	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	2	0	
37	61073050	Chăm sóc thai kỳ bình thường.	2	2	0	
Năm thứ ba			32	15	17	
Học kỳ 5			13	5	8	
38	61073044	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa.	2	0	2	
39	61073051	Thực hành chăm sóc thai kỳ bình thường.	1	0	1	
40	61073054	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh thường.	2	2	0	
41	61073055	Thực hành chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh thường.	2	0	2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
42	61073058	Chăm sóc sau sinh	2	2	0	
43	61073059	Thực hành chăm sóc sau sinh	2	0	2	
44	61073065	Lãnh đạo và quản lý Hộ sinh.	2	1	1	
Học kỳ 6			19	10	9	
45	61073045	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm.	3	2	1	
46	61073056	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh khó 1	4	3	1	
47	61073057	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh khó 2 (thực hành)	2	0	2	
48	61073063	Thực hành chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	0	2	
49	61073064	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.	2	1	1	
50	61073060	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	2	0	
51	61073061	Thực hành chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	0	2	
52	61073048	Kế hoạch hóa gia đình.	2	2	0	
Năm thứ tư			31	15	16	
Học kỳ 7			21	11	10	
53	61073047	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	2	0	
54	61073052	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	3	3	0	
55	61073053	Thực hành chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	2	0	2	
56	61073049	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình	2	0	2	
Nhóm 1 (12 TC)						
57	61075067	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao – Phục hồi chức năng	2	2	0	
58	61075068	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao.	2	0	2	
59	61075069	Hộ sinh phòng mổ	2	2	0	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
60	61075070	Thực hành Hộ sinh phòng mổ	2	0	2	
61	61075071	Chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	2	0	
62	61075072	Thực hành chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	0	2	
Nhóm 2 (12 TC)						
63	61075073	Chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/AIDS.	2	2	0	
64	61075074	Thực hành chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/AIDS.	2	0	2	
65	61075075	Chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	2	0	
66	61075076	Thực hành chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	0	2	
67	61075077	Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2	2	0	
68	61075078	Thực hành chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2	0	2	
Học kỳ 8			10	4	6	
69	61073066	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	
Khoá luận tốt nghiệp/Học phần bổ sung			7			
70	61076079	Chuyên đề phụ nữ - kế hoạch gia đình.	2	1	1	
71	61076080	Chuyên đề trong kỳ thai nghén và chuyển dạ	3	2	1	
72	61076081	Chuyên đề sau đẻ và sơ sinh	2	1	1	
73	61076100	Khoá luận tốt nghiệp	7	
Tổng			144	(95)	(49)	

2. Mối liên quan giữa học phần - chuẩn năng lực - chuẩn đầu ra

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
1	71001610	Xác suất – Thống kê y học	2	1 đến 7	5	4	2	2	2	2	2	2	2	5	5	5	1	2	5
2	71001611	Vật lý – Lý sinh	2	1 đến 7	5	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2
3	71001612	Hóa học	2	1 đến 7	5	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2
4	71001613	Sinh học (Đại cương và Di truyền)	2	1 đến 7	5	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	3	1	3	3
5	71001615	Tiếng Anh 1	2	1 đến 7	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	5	5	3	3	3
6	71001616	Tiếng Anh 2	2	1 đến 7	5	3	3	2	2	2	2	2	2	2	5	5	4	4	4
7	71001618	Tiếng Anh chuyên ngành Hộ sinh	2	1 đến 7	5	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
8	71001614	Tin học đại cương	2	1 đến 7	5	3	3	3	3	3	3	3	3	5	5	5	1	3	3
9	71001001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1 đến 7	5	5	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
10	71001002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	1 đến 7	5	5	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
11	71001003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1 đến 7	5	5	5	3	4	3	4	4	4	4	4	4	5	5	5
12	71001004	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1 đến 7	5	5	2	3	4	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2
13	71001005	Giáo dục thể chất 1	1	1 đến 7	5	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	5	2	2	2

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
14	71001006	Giáo dục thể chất 2	1	1 đến 7	5	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	5	2	2	2
15	71001007	Giáo dục thể chất 3	1	1 đến 7	5	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	5	2	2	2
16	71001008	Giáo dục quốc phòng – An ninh	6	1 đến 7	5	5	2	3	2	2	2	2	2	2	2	5	2	2	2
17	61002020	Giải phẫu học	3	1 đến 7	5	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
18	61002021	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1 đến 7	5	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
19	61002022	Sinh lý học	3	1 đến 7	5	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
20	61002023	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	1 đến 7	5	5	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2
21	61002024	Hoá sinh	2	1 đến 7	5	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
22	61002025	Pháp luật – Tổ chức y tế	2	1 đến 7	5	5	5	5	2	2	3	5	2	5	2	2	5	5	5
23	61002026	Tâm lý y học	1	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
24	61002027	Đạo đức nghề nghiệp	1	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
25	61002028	Dịch tễ học	2	1 đến 7	5	5	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
26	61002029	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	1 đến 6	5	5	5	5	5	5	5	2	2	2	2	2	5	2	2
27	61002030	Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	2	5	2	2	2	5	2	2
28	61002031	Dược lâm sàng	2	1 đến 7	5	5	3	3	5	5	5	2	5	5	2	2	5	2	2
29	61002032	Bệnh học nội khoa – Ngoại khoa	2	1 đến 7	5	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3
30	61002035	Nghiên cứu khoa học	2	1 đến 7	5	5	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	5	5	5

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
31	61073040	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp	3	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
32	61073041	Điều dưỡng cơ sở 1	3	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	3
33	61073042	Điều dưỡng cơ sở 2	4	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	3
34	61073043	Chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5	3	3	5	5	3
35	61073044	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh nội – Ngoại khoa.	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5	5	3	5	5	5
36	61073045	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm.	3	1 đến 7	5	5	5	5	5	3	3	5	5	3	3	3	5	5	3
37	61073046	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	3	3	2	5	5	3	3	5	5	3
38	61073047	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	1,2,7	5	5	5	5	5	3	3	5	5	3	3	3	5	5	5
39	61073048	Kế hoạch hóa gia đình.	2	1,2,7	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	3	5	5	3
40	61073049	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ – Kế hoạch hóa gia đình	2	1,2,7	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5	3	3	5	5	5
41	61073050	Chăm sóc thai kỳ bình thường.	2	3	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
42	61073051	Thực hành chăm sóc thai kỳ bình thường	1	3	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
43	61073052	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	2	3	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
44	61073053	Thực hành chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	2	3	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
45	61073054	Chăm sóc thai phụ chuyên dạ và sinh thường.	2	4	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
46	61073055	Thực hành chăm sóc thai phụ chuyên dạ và sinh thường.	2	4	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
47	61073056	Chăm sóc thai phụ chuyên dạ và sinh khó 1	4	4	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
48	61073057	Chăm sóc thai phụ chuyên dạ và sinh khó 2	2	4	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
49	61073058	Chăm sóc sau sinh.	2	4,5	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
50	61073059	Thực hành chăm sóc sau sinh.	2	4,5	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
51	61073060	Chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	1,2,3,4,5,7	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
52	61073061	Thực hành chăm sóc người bệnh hồi sức và chăm sóc tích cực sản phụ khoa.	2	1,2,3,4,5,7	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
53	61073062	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	6	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
54	61073063	Thực hành chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi.	2	6	5	5	5	5	2	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
55	61073064	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
56	61073065	Lãnh đạo và quản lý Hộ sinh.	3	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5
57	61075066	Thực tập tốt nghiệp	3	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5
58	61075067	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao – Phục hồi chức năng	2	1,2,5,7	5	5	5	5	5	2	2	5	5	5	3	3	5	5	5
59	61075068	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ nâng cao.	2	1,2,7	5	5	5	5	5	2	2	5	5	5	3	3	5	5	5
60	61075069	Hộ sinh phòng mổ	2	1-5,7	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
61	61075070	Thực hành Hộ sinh phòng mổ	2	1-5,7	5	5	5	5	3	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
62	61075071	Chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	6	5	5	5	5	2	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
63	61075072	Thực hành chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	6	5	5	5	5	2	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
64	61075073	Chăm sóc phụ nữ, bà mẹ và sơ sinh nhiễm HIV	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	3	3	5	5	5
65	61075074	Thực hành chăm sóc phụ nữ, bà mẹ và sơ sinh nhiễm HIV	2	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
66	61075075	Chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	1,2	5	5	5	5	5	2	2	5	5	5	3	3	5	5	5
67	61075076	Thực hành chăm sóc sức khỏe người hiếm muộn.	2	1,2	5	5	5	5	5	2	2	5	5	5	3	3	5	5	5
68	61075077	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phụ khoa	2	1-5,7	5	5	5	5	5	2	2	5	5	5	3	3	5	5	5

ST T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Năng lực liên quan	Chuẩn đầu ra														
					C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
69	61076078	Thực hành chăm sóc bệnh nhân ung thư phụ khoa	2	1-5,7	5	5	5	5	5	3	2	5	5	5	3	3	5	5	5
70	61076079	Chuyên đề phụ nữ - kế hoạch gia đình.	2	1,2,7	5	5	5	5	5	5	1	5	5	5	3	3	5	5	5
71	61076080	Chuyên đề trong kỳ thai nghén và chuyển dạ	3	1,3,4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
72	61076081	Chuyên đề sau đẻ và sơ sinh	2	5,6	5	5	5	5	3	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5
73	61076100	Khóa luận tốt nghiệp	7	1 đến 7	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	5	5	5

Ghi chú:

* Tùy theo học phần, ghi rõ mối liên quan với các chuẩn đầu ra đã ban hành theo Quyết định số 2242/QĐ-ĐHYD ngày 10-7-2018 bao gồm 5 mức.

1. Không liên quan trực tiếp đến CĐR (*Not directly related to ELO*)
2. Liên quan rất ít đến CĐR (*Quite related to ELO*)
3. Có liên quan đến CĐR (*Related to ELO*)
4. Liên quan gần đến CĐR (*Closely related to ELO*)
5. Liên quan rõ ràng đến CĐR (*Specifically related to ELO*)

* Ma trận mối liên quan giữa CĐR và các học phần được đánh số sao cho tất cả CĐR đều có các học phần tương ứng, đặc biệt là các mức 4 và 5.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo được đính kèm theo trong hồ sơ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Hiện nay việc đào tạo Hộ sinh trình độ đại học là cấp thiết và đáp ứng được nhu cầu về lực lượng cán bộ hộ sinh của các cơ sở y tế, tổ chức y tế, cũng như nhu cầu về nhân lực y tế phục vụ trong các trường đào tạo hộ sinh trong cả nước.

Căn cứ vào số lượng giảng viên cơ hữu, điều kiện cơ sở vật chất, năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm nhiều năm đào tạo đại học, sau đại học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính xin ý kiến về mặt chủ trương, định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc mở ngành đào tạo đại học Hộ sinh (Mã số: 7720302).

Toàn bộ nội dung đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ đại học Hộ sinh sẽ được đăng tải chính thức và công khai trên trang thông tin điện tử của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (www.ump.edu.vn).

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục đại học, Bộ GD và ĐT
- Lưu : VT, ĐTĐH, Bộ môn

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn